TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 385/2021/QĐST-HNGĐ	*Gia Lâm, ngày 29 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 335/2021/TLST–HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, về việc: Ly hôn, con chung giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1994; ĐKHKTT: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh Lê Quang L, sinh năm 1991; ĐKHKTT: Tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị N và anh Lê Quang L.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Bùi Thị N và anh Lê Quang L, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị N và anh L xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Lê Tiến M, sinh ngày 30/7/2016 và cháu Lê M N, sinh ngày 04/01/2019.

Giao cháu Lê Tiến M cho anh Lê Quang L nuôi dưỡng; giao cháu Lê M N cho chị Bùi Thị N nuôi dưỡng.

Chị N không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu M cho anh L; ghi nhận sự tự nguyện của anh L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu N cho chị N là 3.000.000 đồng/mỗi tháng kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2021 đến khi cháu N trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh chị có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

2.2. Về tài sản chung vợ chồng: Chị N và anh L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về nợ chung vợ chồng: Chị N và anh L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị N chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0072841 ngày 21/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
-UBND thị trấn T, Gia Lâm (GCNKH số 102 quyển số 01/2015);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hồng Quang